

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG CHẤM THI THÀNH LẬP CÁC ĐỘI TUYỂN
DỰ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2026-2027

KẾT QUẢ CHẤM THI

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
1	Địa lí	ĐL001	Nguyễn Bảo An	22/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15	17,5	32,5	
2	Địa lí	ĐL002	Quách Thị Hàn Châu	20/03/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT Đam San	11,25	7	18,25	
3	Địa lí	ĐL003	Nguyễn Thị Hà Chi	09/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Ea Rók	5,75	6,25	12	
4	Địa lí	ĐL004	Chu Khánh Chi	01/09/2008	Hải Phòng	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,75	12,5	21,25	
5	Địa lí	ĐL005	Triệu Thị Hạnh Dung	10/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	6,25	6,25	12,5	
6	Địa lí	ĐL006	Đỗ Minh Dũng	28/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,5	11,25	18,75	
7	Địa lí	ĐL007	Phạm Thùy Dương	17/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,75	9,75	15,5	
8	Địa lí	ĐL008	Lương Hà Giang	11/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,75	9,5	15,25	
9	Địa lí	ĐL009	Lê Cao Minh Giáp	28/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,75	12,25	23	
10	Địa lí	ĐL010	Nguyễn Thị Hà	01/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Quang Trung	5,5	6	11,5	
11	Địa lí	ĐL011	Cao Minh Hạnh	02/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,75	15	28,75	
12	Địa lí	ĐL012	Nguyễn Phạm Gia Hân	14/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,75	12,75	25,5	
13	Địa lí	ĐL013	Dương Thị Huệ	05/03/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	6,25	8,75	15	
14	Địa lí	ĐL014	Nguyễn Duy Hưng	05/10/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,5	5	10,5	
15	Địa lí	ĐL015	Trần Trọng Gia Hưng	22/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,5	5,5	12	
16	Địa lí	ĐL016	Nguyễn Thị Lan Hương	12/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Huệ	8,5	9,75	18,25	
17	Địa lí	ĐL017	Từ Như Gia Khang	10/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	12,75	25,75	
18	Địa lí	ĐL018	Đặng Minh Khôi	29/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,75	8,25	18	
19	Địa lí	ĐL019	H Lê Niê	13/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Cư M'gar	11,25	11	22,25	
20	Địa lí	ĐL020	Nguyễn Hoàng Long	19/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,75	15	26,75	
21	Địa lí	ĐL021	Trần Nguyễn Khánh Ly	29/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15	15,75	30,75	
22	Địa lí	ĐL022	Trần Nguyễn Như Mai	01/12/2009	Ninh Thuận	12	THPT Buôn Ma Thuột	3,25	5,75	9	
23	Địa lí	ĐL023	Phạm Quỳnh My	17/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	4,75	4,5	9,25	
24	Địa lí	ĐL024	Chè Lê Trung Nghĩa	15/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,5	11,5	18	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
25	Địa lí	ĐL025	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	15/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Trường Tộ	7,75	10,25	18	
26	Địa lí	ĐL026	Lê Phan Khánh Ngọc	25/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	10,75	22,25	
27	Địa lí	ĐL027	Trương Hoàng Nguyên	13/06/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	14,25	27,25	
28	Địa lí	ĐL028	Phạm Yến Nhi	04/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Nguyên Giáp	7	5,5	12,5	
29	Địa lí	ĐL029	Phạm Băng Như	09/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	9	9	18	
30	Địa lí	ĐL030	Nguyễn Hà Phương	22/05/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	5,5	3,25	8,75	
31	Địa lí	ĐL031	Phạm Đặng Anh Quốc	20/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,5	8	15,5	
32	Địa lí	ĐL032	Nguyễn Như Quỳnh	30/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Cư M'gar	8,5	6,5	15	
33	Địa lí	ĐL033	Nguyễn Thị Quỳnh	15/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Toản	9,25	8,75	18	
34	Địa lí	ĐL034	Lã Duy Sâm	13/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Quang Trung	6,75	6,25	13	
35	Địa lí	ĐL035	Lê Quang Thái	07/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7	8,25	15,25	
36	Địa lí	ĐL036	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quang Khải	7,25	6,5	13,75	
37	Địa lí	ĐL037	Ngô Minh Thiện	17/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	6,75	7,75	14,5	
38	Địa lí	ĐL038	Nguyễn Tiến Thọ	11/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Thái Bình	9	7,75	16,75	
39	Địa lí	ĐL039	Nguyễn Minh Thuận	03/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Việt Đức	7,75	10,75	18,5	
40	Địa lí	ĐL040	Nguyễn Trần Phương Thúy	24/02/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	14	25	
41	Địa lí	ĐL041	Ngô Minh Thu	27/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,25	9,25	15,5	
42	Địa lí	ĐL042	Đỗ Thảo Tiên	08/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,5	10	16,5	
43	Địa lí	ĐL043	Nguyễn Đoàn Thủy Tiên	06/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,5	10	17,5	
44	Địa lí	ĐL044	Ngô Thủy Trang	31/10/2010	Nghệ An	11	THPT Cư M'gar	6,75	6,25	13	
45	Địa lí	ĐL045	Trương Ngô Bảo Trâm	10/02/2010	Quảng Ngãi	11	THPT Cao Bá Quát	7,75	8,5	16,25	
46	Địa lí	ĐL046	Vì Thị Thủy Trâm	06/10/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	6,75	8,25	15	
47	Địa lí	ĐL047	Nguyễn Ngọc Cát Tường	15/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chu Văn An	2	2,75	4,75	
48	Địa lí	ĐL048	Thắm Nông Huyền Vy	02/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	6,25	6,25	12,5	
49	Địa lí	ĐL049	Trần Hà Khánh Vy	30/01/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,25	10,75	22	
50	Địa lí	ĐL050	Phan Thảo Vy	08/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	15,75	26,25	
51	Địa lí	ĐL051	Nguyễn Phương Hải Yến	23/02/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	6,75	8,75	15,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
52	Địa lí	ĐL052	Nguyễn Bảo An	16/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	3,25	4,25	7,5	
53	Địa lí	ĐL053	Hồ Gia Bảo	25/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	5,25	3,75	9	
54	Địa lí	ĐL054	Ngô Hoài Bằng	21/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	8,5	6,5	15	
55	Địa lí	ĐL055	Đỗ Duy Bảo Châu	26/04/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	13	12,25	25,25	
56	Địa lí	ĐL056	Trần Văn Chương	23/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Ngô Gia Tự	3,75	3	6,75	
57	Địa lí	ĐL057	Nguyễn Thị Phương Diệu	15/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	8	5,25	13,25	
58	Địa lí	ĐL058	Phạm Hồng Duyên	02/08/2009	Quảng Ngãi	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	15,5	15,5	31	
59	Địa lí	ĐL059	Phạm Thị Thùy Duyên	01/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	5,75	1,5	7,25	
60	Địa lí	ĐL060	Huỳnh Phước Đạt	10/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	8,25	20,25	
61	Địa lí	ĐL061	Trương Thành Đạt	23/01/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,5	2	9,5	
62	Địa lí	ĐL062	Phạm Thanh Giang	11/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	5	3,5	8,5	
63	Địa lí	ĐL063	Lê Quốc Trường Hải	01/06/2009	Đà Nẵng	12	THPT Nguyễn Thái Bình	4,25	2,75	7	
64	Địa lí	ĐL064	Huỳnh Nhật Phương Hạnh	01/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	7	9,75	16,75	
65	Địa lí	ĐL065	Nguyễn Quốc Hội	19/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1,25	2,5	3,75	
66	Địa lí	ĐL066	Lê Phan Thanh Huyền	08/02/2009	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	7,75	16,25	
67	Địa lí	ĐL067	Hồ Gia Kiệt	22/01/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	4	7	
68	Địa lí	ĐL068	Phạm Mỹ Ly	30/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	6,5	10,25	16,75	
69	Địa lí	ĐL069	Phan Thu Ngọc	29/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Chu Trinh	4	6	10	
70	Địa lí	ĐL070	Lưu Nguyễn Trí Ngọc	17/09/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,25	9	16,25	
71	Địa lí	ĐL071	Võ Hiếu Nguyên	19/08/2010	Bình Định	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4	7,25	11,25	
72	Địa lí	ĐL072	Chu Thị Tuyết Nhi	07/07/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	6	9	
73	Địa lí	ĐL073	Nguyễn Nhật San Niên	26/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Phan Bội Châu	3,5	7,5	11	
74	Địa lí	ĐL074	Nguyễn Ngọc Phong	05/05/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Nguyễn Trung Trực	3,5	5,25	8,75	
75	Địa lí	ĐL075	Mai Nguyễn Hoài Phương	12/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	4	4,25	8,25	
76	Địa lí	ĐL076	Lê Hoàng Phương	28/12/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	12,5	24,5	
77	Địa lí	ĐL077	Võ Thị Như Quỳnh	27/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	1	1,5	2,5	
78	Địa lí	ĐL078	Cao Thị Ngọc Thanh	14/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	3,5	3	6,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
79	Địa lí	ĐL079	Lê Đào Tuyết Thanh	13/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	5,75	6,25	12	
80	Địa lí	ĐL080	Nguyễn Quốc Thái	09/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Ngô Gia Tự	5,5	7,5	13	
81	Địa lí	ĐL081	Trần Tô Tiến Thành	24/01/2009	Gia Lai	12	THPT Phan Chu Trinh	6,25	9,5	15,75	
82	Địa lí	ĐL082	Lê Thị Thanh Trà	21/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Trần Quốc Tuấn	3	3,25	6,25	
83	Địa lí	ĐL083	Lương Bảo Trâm	04/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	4,75	5,5	10,25	
84	Địa lí	ĐL084	Cao Tú Trinh	22/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	2,25	6,5	8,75	
85	Địa lí	ĐL085	Võ Anh Tuấn	14/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	2,25	3	5,25	
86	Địa lí	ĐL086	Ngô Thị Bích Tuyền	28/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thái Bình	3	3,25	6,25	
87	Địa lí	ĐL087	Phạm Minh Vũ	07/09/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,5	9	15,5	
88	Địa lí	ĐL088	Hoàng Hà Vy	12/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Linh	6	7,25	13,25	
89	Hoá học	HH001	Phan Thị Ngọc Anh	28/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,25	4,25	11,5	
90	Hoá học	HH002	Trần Hữu Đạt	02/05/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	3,25	1,25	4,5	
91	Hoá học	HH003	Dương Tuấn Đạt	09/05/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	7,25	3,75	11	
92	Hoá học	HH004	Võ Minh Đăng	16/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,25	13,5	26,75	
93	Hoá học	HH005	Đỗ Bảo Gia	26/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,75	5,5	15,25	
94	Hoá học	HH006	Nguyễn Huy Hoàng	09/02/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	6,25	1	7,25	
95	Hoá học	HH007	Lê Đức Huy	29/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5	4	9	
96	Hoá học	HH008	Trần Quang Huy	21/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,25	8,5	18,75	
97	Hoá học	HH009	Vũ Quang Huy	11/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Tất Thành	4,75	1,5	6,25	
98	Hoá học	HH010	Trần Võ Song Huy	16/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	7,75	18,75	
99	Hoá học	HH011	Nguyễn Tất Hưng	24/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,25	1,75	5	
100	Hoá học	HH012	Nguyễn Quốc Hy	02/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,75	5,25	13	
101	Hoá học	HH013	Trần Duy Khánh	10/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5	4,25	9,25	
102	Hoá học	HH014	Lê Nam Khánh	03/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6	3,75	9,75	
103	Hoá học	HH015	Nguyễn Đình Quang Minh	12/08/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	6,75	4	10,75	
104	Hoá học	HH016	Lương Khôi Nguyên	06/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4	5,5	9,5	
105	Hoá học	HH017	Nguyễn Minh Nhật	10/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Tất Thành	5,25	2,25	7,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
106	Hoá học	HH018	Nguyễn Việt Thành	05/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,5	4,25	8,75	
107	Hoá học	HH019	Cao Nguyễn Hiền Thu	22/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,75	6,5	15,25	
108	Hoá học	HH020	Lương Hoài Thương	13/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,25	7,75	17	
109	Hoá học	HH021	Nguyễn Trình	15/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,5	2	3,5	
110	Hoá học	HH022	Lê Phạm Phú An	11/05/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9	7,75	16,75	
111	Hoá học	HH023	Đặng Gia Bảo	27/03/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	3,75	11,75	
112	Hoá học	HH024	Lê Thiên Bảo	18/05/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4	5,75	9,75	
113	Hoá học	HH025	Trần Nguyễn Trúc Dương	09/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	0,75	0,5	1,25	
114	Hoá học	HH026	Lê Vũ Niên Đại	12/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	0,75	1,75	
115	Hoá học	HH027	Đỗ Huy Hiếu	23/01/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6	2,5	8,5	
116	Hoá học	HH028	Nguyễn Đoàn Vĩnh Khiêm	25/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Lê Lợi	0,75	0,5	1,25	
117	Hoá học	HH029	Đỗ Tuấn Khôi	10/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,25	4,75	7	
118	Hoá học	HH030	Lê Ngọc Minh Khuê	07/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,25	2	7,25	
119	Hoá học	HH031	Nguyễn Ngọc Lâm	07/07/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,25	2	4,25	
120	Hoá học	HH032	Lê Thanh Hoàng Long	29/01/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	12,25	24,25	
121	Hoá học	HH033	Huỳnh Lê Phi Long	03/07/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	10,75	20,25	
122	Hoá học	HH034	Nguyễn Trần Thế Mỹ	08/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,25	3,75	9	
123	Hoá học	HH035	Nguyễn Đại Nghị	16/06/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	3,25	6,25	
124	Hoá học	HH036	Nguyễn Khánh Nguyên	20/02/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2	0,75	2,75	
125	Hoá học	HH037	Phan Trình Huệ Nhật	04/10/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	3,5	6,5	
126	Hoá học	HH038	Nguyễn Hoàng Phương	15/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	0,5	0,75	1,25	
127	Hoá học	HH039	Cao Ngọc Bảo Quyên	14/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	2,25	1,25	3,5	
128	Hoá học	HH040	Võ Anh Tâm	16/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	2,25	4	6,25	
129	Hoá học	HH041	Huỳnh Nguyên Linh Thảo	21/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thái Bình	0,25	0,25	0,5	
130	Hoá học	HH042	Nguyễn Quý Thăng	21/10/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,75	12,75	23,5	
131	Hoá học	HH043	Nguyễn Ngọc Thương	15/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	2,25	1,75	4	
132	Hoá học	HH044	Trần Trí Trung	07/10/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	9	20	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
133	Hoá học	HH045	Lưu Ngọc Lê Vy	26/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,75	1,25	2	
134	Lịch sử	LS001	Nguyễn Trần Hoài An	13/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,5	11	20,5	
135	Lịch sử	LS002	Lê Hà Anh	09/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,25	14,5	28,75	
136	Lịch sử	LS003	Nguyễn Hoài Anh	21/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	11,25	23,75	
137	Lịch sử	LS004	Lê Ngọc Anh	28/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,25	12,75	27	
138	Lịch sử	LS005	Nguyễn Quỳnh Anh	16/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	10,5	10	20,5	
139	Lịch sử	LS006	Nguyễn Hoàng Trúc Anh	22/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	16,25	12,25	28,5	
140	Lịch sử	LS007	Đình Duy Gia Bảo	29/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,75	14,25	28	
141	Lịch sử	LS008	Phạm Đào Bảo Châu	17/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15	14,5	29,5	
142	Lịch sử	LS009	Nguyễn Hoàng Diễm Châu	24/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Duẩn	9	10,75	19,75	
143	Lịch sử	LS010	Lê Võ Minh Châu	26/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,25	16,5	29,75	
144	Lịch sử	LS011	Lê Thị Hồng Duyên	19/03/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	8,75	8,75	17,5	
145	Lịch sử	LS012	Mai Huyền Khánh Đan	11/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Bình Khiêm	7,75	7,5	15,25	
146	Lịch sử	LS013	Trần Nguyễn Minh Đăng	23/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	16,5	14,75	31,25	
147	Lịch sử	LS014	Trần Gia Hân	30/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	13,25	25,25	
148	Lịch sử	LS015	Nguyễn Kha Hân	29/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	11,5	24	
149	Lịch sử	LS016	Lê Thúy Hiền	26/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15	16	31	
150	Lịch sử	LS017	Phan Thị Thanh Hoa	03/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Trần Phú	7,5	4,25	11,75	
151	Lịch sử	LS018	Lê Thị Thu Hoài	08/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,25	12	26,25	
152	Lịch sử	LS019	Sùng Thị Mi La	06/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Trường Tộ	8,75	10	18,75	
153	Lịch sử	LS020	Vũ Thị Diệu Linh	26/02/2009	Ninh Bình	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,5	14,75	29,25	
154	Lịch sử	LS021	Phạm Thị Ngọc Linh	12/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,75	13,5	28,25	
155	Lịch sử	LS022	Nguyễn Thị Linh	13/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Trường Tộ	11,25	10,75	22	
156	Lịch sử	LS023	Nguyễn Văn Lộc	19/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Thái Bình	9,5	8	17,5	
157	Lịch sử	LS024	Trần Hoàng Bảo Ngọc	05/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,5	14,25	27,75	
158	Lịch sử	LS025	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	13/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Trần Quang Khải	8	7	15	
159	Lịch sử	LS026	Lê Thị Quỳnh Ngọc	24/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	10	8,5	18,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
160	Lịch sử	LS027	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	08/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14	12,5	26,5	
161	Lịch sử	LS028	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	11/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	13	24,5	
162	Lịch sử	LS029	Trần Thị Yến Nhi	09/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Võ Nguyên Giáp	10	7,5	17,5	
163	Lịch sử	LS030	Nguyễn Tô Hoàng Phong	10/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,75	14,25	28	
164	Lịch sử	LS031	Ksor Y Phúc	08/06/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT Đam San	13	11,75	24,75	
165	Lịch sử	LS032	Lê Ngô Ngọc Phương	16/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,5	16,75	32,25	
166	Lịch sử	LS033	Lê Thị Thuỳ Phương	03/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	14	25	
167	Lịch sử	LS034	Nguyễn Ngọc Quỳnh	17/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	9,75	8	17,75	
168	Lịch sử	LS035	H' Sừu Ênuôl	26/01/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	8,75	7	15,75	
169	Lịch sử	LS036	Vũ Thị Thanh Thảo	10/08/2011	Đắk Lắk	10	THPT số 1 Ngô Gia Tự	11	9,25	20,25	
170	Lịch sử	LS037	Nguyễn Thị Hương Thẩm	20/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Bình Khiêm	10,5	9,75	20,25	
171	Lịch sử	LS038	Đào Đức Thắng	29/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	9,25	9	18,25	
172	Lịch sử	LS039	Tạ Quang Thắng	23/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	14	11,75	25,75	
173	Lịch sử	LS040	Phạm Lan Thoa	20/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Lắc	13	9,25	22,25	
174	Lịch sử	LS041	Nguyễn Ngọc Thuận	15/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	15,5	11,75	27,25	
175	Lịch sử	LS042	Nguyễn Hoàng Dạ Thuyền	17/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,75	10	18,75	
176	Lịch sử	LS043	Nguyễn Thị Cảnh Thúy	27/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Trần Quốc Toản	9,25	9,25	18,5	
177	Lịch sử	LS044	Nguyễn Thị Minh Thùy	20/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,75	12,25	23	
178	Lịch sử	LS045	Trần Minh Thư	28/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Trần Phú	6,25	6	12,25	
179	Lịch sử	LS046	Trần Thị Huyền Trâm	04/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lắc	8,75	9,75	18,5	
180	Lịch sử	LS047	Đặng Thị Trâm	17/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Võ Nguyên Giáp	10,25	6,5	16,75	
181	Lịch sử	LS048	Hồ Hoàng Trí	20/06/2009	Đà Nẵng	12	THPT Buôn Ma Thuột	12,75	9	21,75	
182	Lịch sử	LS049	Nông Kiều Trúc	08/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	11	11	22	
183	Lịch sử	LS050	Hồ Nguyễn Thủy Trúc	26/06/2009	Đồng Nai	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	12,25	23,75	
184	Lịch sử	LS051	Đặng Cẩm Tú	08/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,5	12	21,5	
185	Lịch sử	LS052	Lê Hồng Uyên	14/01/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	11,75	10,75	22,5	
186	Lịch sử	LS053	Nguyễn Thị Thúy Vy	04/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	4,75	5,5	10,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
187	Lịch sử	LS054	Nguyễn Trúc Uyên Vy	22/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Trần Phú	6,5	3	9,5	
188	Lịch sử	LS055	Bùi Thị Hải Yến	11/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	18,25	18	36,25	
189	Lịch sử	LS056	Đào Ngọc Kim Yến	16/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	11,25	8,25	19,5	
190	Lịch sử	LS057	Y Jenny Niê	05/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Quang Trung	7,25	10,75	18	
191	Lịch sử	LS058	Trình Ngọc Quỳnh Anh	19/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Trần Phú	5,5	7,75	13,25	
192	Lịch sử	LS059	Hứa Thị Quỳnh Anh	21/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Suyền	12,25	7,5	19,75	
193	Lịch sử	LS060	Nguyễn Ngọc Hùng Cường	06/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	11,25	21,25	
194	Lịch sử	LS061	Nguyễn Ngọc Hạnh Dung	14/10/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	13	24	
195	Lịch sử	LS062	Lê Thùy Dung	09/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	3,25	5,5	8,75	
196	Lịch sử	LS063	Huỳnh Anh Dũ	31/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	10	7	17	
197	Lịch sử	LS064	Lê Thị Thuỳ Dương	01/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	10,25	10,75	21	
198	Lịch sử	LS065	Ngô Minh Đáng	02/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	11,25	11,75	23	
199	Lịch sử	LS066	Lê Hiệu Đồng	20/04/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,75	6,75	16,5	
200	Lịch sử	LS067	Phạm Thị Thủy Hà	10/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Thái Bình	5	4	9	
201	Lịch sử	LS068	Huỳnh Việt Hào	05/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Suyền	10	8,5	18,5	
202	Lịch sử	LS069	Trần Nguyễn Thu Hồng	28/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	9,75	6,75	16,5	
203	Lịch sử	LS070	Trần Khải Huy	26/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	10	9	19	
204	Lịch sử	LS071	Nguyễn Đăng Hưng	05/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	7,25	7	14,25	
205	Lịch sử	LS072	Cao Trần Huy Khánh	14/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	6,75	6	12,75	
206	Lịch sử	LS073	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	11,75	10,5	22,25	
207	Lịch sử	LS074	Lê Hoàng Long	08/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Du	4	6,5	10,5	
208	Lịch sử	LS075	Trần Kiến Minh	02/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,5	10	20,5	
209	Lịch sử	LS076	Trần Phạm Tuấn Minh	25/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	9,5	9	18,5	
210	Lịch sử	LS077	Nguyễn Hoàng Hải My	31/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	7,75	4,75	12,5	
211	Lịch sử	LS078	Hoàng Lê Kim Ngân	07/08/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,25	7,5	17,75	
212	Lịch sử	LS079	Nguyễn An Bích Ngọc	12/06/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Võ Văn Kiệt	8,25	6,25	14,5	
213	Lịch sử	LS080	Nguyễn Công Nguyên	05/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Trần Phú	7,75	7,5	15,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
214	Lịch sử	LS081	Võ Hoàng Nguyên	19/08/2010	Bình Định	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	8	17,5	
215	Lịch sử	LS082	Đỗ Minh Nhật	30/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	10,5	9,25	19,75	
216	Lịch sử	LS083	Lê Nguyễn Ngọc Nhi	29/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Thái Bình	7,25	3,75	11	
217	Lịch sử	LS084	Nguyễn Thị Yến Nhi	26/11/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7	6,25	13,25	
218	Lịch sử	LS085	Lê Hoàn Khánh Phương	30/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Phạm Văn Đồng	4,5	5	9,5	
219	Lịch sử	LS086	Lê Hoàng Quân	24/04/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,75	6,25	12	
220	Lịch sử	LS087	Lê Như Quỳnh	16/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	6,5	7	13,5	
221	Lịch sử	LS088	Nguyễn Ngọc Tiểu Quỳnh	22/03/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	15,75	12,5	28,25	
222	Lịch sử	LS089	Nguyễn Nhật Sinh	15/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	11,25	9,75	21	
223	Lịch sử	LS090	Ngô Đặng Giác Tâm	24/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	8,75	19,75	
224	Lịch sử	LS091	Lê Thị Bích Thi	23/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	10	7,5	17,5	
225	Lịch sử	LS092	Đặng Khánh Thi	05/08/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,25	5,75	12	
226	Lịch sử	LS093	Nguyễn Hoàng Thiên	23/04/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	12,25	24,25	
227	Lịch sử	LS094	Trương Võ Ngọc Thuý	19/03/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	5,25	13,75	
228	Lịch sử	LS095	Lê Anh Thư	29/03/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	13,75	9,75	23,5	
229	Lịch sử	LS096	Lê Ngọc Bảo Trâm	28/10/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,75	3,25	10	
230	Lịch sử	LS097	Trần Đình Việt Trường	15/11/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,25	13,75	26	
231	Lịch sử	LS098	Trần Lê Thanh Tuyền	01/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	10,5	6,5	17	
232	Lịch sử	LS099	Bùi Hồ Khánh Vân	15/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Linh	8,5	5	13,5	
233	Lịch sử	LS100	Phan Quốc Vinh	19/03/2009	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	9,5	9,5	19	
234	Lịch sử	LS101	Võ Hoàng Vương	15/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	15,25	12	27,25	
235	Ngữ văn	NV001	Trịnh Châu Anh	13/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Ea Rôk	9	10,5	19,5	
236	Ngữ văn	NV002	Nguyễn Thị Đông Anh	05/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	10,5	12	22,5	
237	Ngữ văn	NV003	Hoàng Lương Đức Anh	06/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Tất Thành	8,5	9,5	18	
238	Ngữ văn	NV004	Trần Võ Quỳnh Anh	02/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	13,75	26,25	
239	Ngữ văn	NV005	Trần Vũ Quốc Bảo	02/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Ea H'leo	13	11,5	24,5	
240	Ngữ văn	NV006	Trần Quế Chi	04/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	9	9,75	18,75	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
241	Ngữ văn	NV007	Bùi Phạm Khánh Di	02/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,5	15,5	29	
242	Ngữ văn	NV008	Lê Nguyễn Thùy Dung	30/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	13,25	24,75	
243	Ngữ văn	NV009	Phạm Nguyễn Anh Đào	08/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,5	11,5	21	
244	Ngữ văn	NV010	Nông Thị Trà Giang	03/12/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT Đam San	12	10,5	22,5	
245	Ngữ văn	NV011	Bùi Gia Bảo Hân	09/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	10,25	8,25	18,5	
246	Ngữ văn	NV012	Phạm Thanh Hoa	13/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	13,75	25,25	
247	Ngữ văn	NV013	Triệu Thị Thu Hoài	26/01/2010	Đắk Lắk	11	PTDTNT THPT Đam San	9	10,5	19,5	
248	Ngữ văn	NV014	Bùi Gia Phúc Hoài	21/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	11,5	24	
249	Ngữ văn	NV015	H Vũ Hội Niê	10/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Ngô Gia Tự	8,25	9	17,25	
250	Ngữ văn	NV016	Phan Vi Khanh	10/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Huỳnh Thúc Kháng	9,5	10,5	20	
251	Ngữ văn	NV017	Phan Thị Mỹ Lệ	05/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	12,5	25	
252	Ngữ văn	NV018	Đào Lê Cẩm Linh	28/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Huệ	10	10	20	
253	Ngữ văn	NV019	Nguyễn Thị Hà Linh	20/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Cừ	9,5	14	23,5	
254	Ngữ văn	NV020	Nguyễn Vũ Khánh Linh	24/02/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Tây Nguyên	11,25	9	20,25	
255	Ngữ văn	NV021	Phạm Nguyễn Thùy Linh	29/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	9,5	11	20,5	
256	Ngữ văn	NV022	Nguyễn Châu Hà My	12/01/2009	Gia Lai	12	THPT Buôn Ma Thuột	11,25	12	23,25	
257	Ngữ văn	NV023	Trần Nguyễn Khánh My	02/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Không Bông	8,5	9,5	18	
258	Ngữ văn	NV024	Nguyễn Hoàng Thảo My	10/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Bội Châu	9	10	19	
259	Ngữ văn	NV025	Lâm Thị Trà My	30/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Không Ana	10,25	12	22,25	
260	Ngữ văn	NV026	Nguyễn Thị Trà My	06/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	9,5	10	19,5	
261	Ngữ văn	NV027	Ngô Ngọc Ngân	29/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,75	13,5	27,25	
262	Ngữ văn	NV028	Đào Thanh Ngân	30/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,75	10,5	23,25	
263	Ngữ văn	NV029	Lê Thùy Ngân	06/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,25	10	22,25	
264	Ngữ văn	NV030	Nguyễn Nam Nghi	09/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	12	24	
265	Ngữ văn	NV031	Phạm Uyên Nghi	28/03/2010	Đắk Lắk	11	TH, THCS và THPT Victory	11	10,5	21,5	
266	Ngữ văn	NV032	Đặng Hoàng Bảo Ngọc	14/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Trãi	9,5	10	19,5	
267	Ngữ văn	NV033	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	24/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	12	22,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
268	Ngữ văn	NV034	Ngô Hoàng Gia Ngọc	24/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,5	12,75	26,25	
269	Ngữ văn	NV035	Trần Đoàn Khánh Ngọc	05/08/2010	Hải Phòng	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	13	25	
270	Ngữ văn	NV036	Phạm Quỳnh Ngọc	09/01/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Tây Nguyên	10	10,25	20,25	
271	Ngữ văn	NV037	Trần Thị Thảo Nguyên	13/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	10,5	23,5	
272	Ngữ văn	NV038	Nguyễn Thụy Nhiên	31/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chu Văn An	7	9,25	16,25	
273	Ngữ văn	NV039	Trần Hoàng Cẩm Nhung	04/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Bội Châu	11	12,5	23,5	
274	Ngữ văn	NV040	Nguyễn Thị Kim Nhung	08/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	8,5	10	18,5	
275	Ngữ văn	NV041	Trần Nguyễn Linh Như	12/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10	10,5	20,5	
276	Ngữ văn	NV042	Lý Thị Diễm Quỳnh	23/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Phan Bội Châu	9	10,5	19,5	
277	Ngữ văn	NV043	Huỳnh Mai Quỳnh	14/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	15	27	
278	Ngữ văn	NV044	Dương Thị Như Quỳnh	14/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Trần Phú	8	10	18	
279	Ngữ văn	NV045	Mỗq Sít Suor	26/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Bình Khiêm				
280	Ngữ văn	NV046	Nguyễn Khánh Tâm	27/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Trần Quốc Toản	9	12	21	
281	Ngữ văn	NV047	Mai Đỗ Phương Thảo	27/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	13	23,5	
282	Ngữ văn	NV048	Huỳnh Thị Thanh Thảo	07/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Bình Khiêm	9	12,75	21,75	
283	Ngữ văn	NV049	Nguyễn Thị Thanh Thúy	27/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Trần Phú	9,75	9	18,75	
284	Ngữ văn	NV050	Đoàn Ngọc Đan Thùy	03/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	11,5	11,5	23	
285	Ngữ văn	NV051	Nguyễn Ngọc Anh Thư	02/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Krông Bông	10,5	8,5	19	
286	Ngữ văn	NV052	Nguyễn Anh Thư	21/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Trần Phú	10	8,5	18,5	
287	Ngữ văn	NV053	Ngô Phạm Khánh Thư	02/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	10,5	21,5	
288	Ngữ văn	NV054	Đỗ Thị Hoài Thương	14/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	11,75	11	22,75	
289	Ngữ văn	NV055	Ngũ Khánh Thy	10/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,5	11,5	25	
290	Ngữ văn	NV056	Trần Thị Thủy Tiên	31/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Cư M'gar	9,5	8,5	18	
291	Ngữ văn	NV057	Đỗ Hà Trang	28/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,75	14,5	27,25	
292	Ngữ văn	NV058	Phạm Nguyễn Lê Trà	03/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Cừ	10,5	12	22,5	
293	Ngữ văn	NV059	Phạm Ngọc Bảo Trâm	18/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Trãi	8,75	8	16,75	
294	Ngữ văn	NV060	Hoàng Nguyễn Huyền Trân	25/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Huệ	10,5	9,5	20	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
295	Ngữ văn	NV061	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	17/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	7,5	8,5	16	
296	Ngữ văn	NV062	Nguyễn Thanh Trúc	12/04/2009	Gia Lai	12	THCS và THPT Đông Du	10	12,5	22,5	
297	Ngữ văn	NV063	Phạm Nguyễn Phương Uyên	07/01/2011	Đắk Lắk	10	THCS và THPT Đông Du	11,5	12,5	24	
298	Ngữ văn	NV064	Huỳnh Nhật Tường Vi	07/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	13	24	
299	Ngữ văn	NV065	Phan Thị Mai Vy	25/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Thực hành Cao Nguyên	11	11,5	22,5	
300	Ngữ văn	NV066	Trần Tường Vy	22/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Ngô Gia Tự	10	12,5	22,5	
301	Ngữ văn	NV067	Đặng Thị Huỳnh Yên	21/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	9,5	10,5	20	
302	Ngữ văn	NV068	Huỳnh Thị Thùy An	15/03/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14	13,25	27,25	
303	Ngữ văn	NV069	Nguyễn Thị Lan Anh	04/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	7	10	17	
304	Ngữ văn	NV070	Nguyễn Thị Phương Anh	14/05/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	14,5	25,5	
305	Ngữ văn	NV071	Trương Hoàng Quốc Anh	12/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Phan Bội Châu	10,75	11	21,75	
306	Ngữ văn	NV072	Hoàng Minh Châu	20/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	8	9,5	17,5	
307	Ngữ văn	NV073	Lê Quỳnh Diễm Chi	26/03/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	12,5	25	
308	Ngữ văn	NV074	Nguyễn Quỳnh Chi	23/10/2010	Bình Định	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,75	13,25	24	
309	Ngữ văn	NV075	Nguyễn Hà Tùng Chi	01/11/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,75	9	17,75	
310	Ngữ văn	NV076	Nguyễn Thị Thu Cúc	16/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	9	10,5	19,5	
311	Ngữ văn	NV077	Lê Nguyễn Linh Đan	28/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	8,75	10	18,75	
312	Ngữ văn	NV078	Trần Nhã Đan	01/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Du	9	10,5	19,5	
313	Ngữ văn	NV079	Phạm Nguyễn Hồng Giang	24/10/2009	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	10,75	12	22,75	
314	Ngữ văn	NV080	Nguyễn Ngọc Huyền Giang	07/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	9,5	9,5	19	
315	Ngữ văn	NV081	Nguyễn Thanh Hà	18/07/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	9	19	
316	Ngữ văn	NV082	Phạm Vũ Minh Hào	05/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	10,5	9,5	20	
317	Ngữ văn	NV083	Hồ Thị Mỹ Hạnh	11/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	9,5	9,5	19	
318	Ngữ văn	NV084	Nguyễn Thị Kim Hân	07/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	8,5	17	
319	Ngữ văn	NV085	Nguyễn Thị Ngọc Hân	24/11/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,5	9,5	20	
320	Ngữ văn	NV086	Nguyễn Thị Thảo Hiền	13/11/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	10,5	21,5	
321	Ngữ văn	NV087	Nguyễn Trần Công Hiệu	22/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	9,5	10,5	20	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
322	Ngữ văn	NV088	Nguyễn Phương Hoa	05/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Du	10	11	21	
323	Ngữ văn	NV089	Phạm Nguyễn Minh Học	27/10/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	10,75	21,75	
324	Ngữ văn	NV090	Đỗ Hoàng Huyền	20/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	10	8,5	18,5	
325	Ngữ văn	NV091	Lê Ngọc Khánh Huyền	04/02/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	9,5	19	
326	Ngữ văn	NV092	Huỳnh Thị Mỹ Huyền	15/07/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	10	21	
327	Ngữ văn	NV093	Trần Thị Thanh Huyền	27/08/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	11	22	
328	Ngữ văn	NV094	Trần Ngọc Thiên Hương	03/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Võ Thị Sáu	9,5	12	21,5	
329	Ngữ văn	NV095	Lê Quốc Khánh	06/03/2009	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	9	10	19	
330	Ngữ văn	NV096	Nguyễn Thảo My	07/09/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	10	18,5	
331	Ngữ văn	NV097	Bùi Thị Trà My	10/08/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Chu Văn An	7,5	7,5	15	
332	Ngữ văn	NV098	Nguyễn An Na	15/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Lê Trung Kiên	9,5	9	18,5	
333	Ngữ văn	NV099	Lê My Na	09/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	8,5	8,5	17	
334	Ngữ văn	NV100	Huỳnh Yến Na	15/03/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Nguyễn Trung Trực	9,5	8,5	18	
335	Ngữ văn	NV101	TổNg HoàNg Ngân	11/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	10	19,5	
336	Ngữ văn	NV102	Huỳnh Dương Bảo Ngọc	05/05/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,5	12,25	22,75	
337	Ngữ văn	NV103	Lê Hồng Ngọc	03/12/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7	8,5	15,5	
338	Ngữ văn	NV104	Đặng Khánh Ngọc	26/08/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	9,5	18	
339	Ngữ văn	NV105	Cao Quốc Khánh Nguyên	02/09/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,75	10,5	21,25	
340	Ngữ văn	NV106	Võ Trần Thảo Nguyên	21/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Linh	9	9	18	
341	Ngữ văn	NV107	Đoàn An Nhiên	26/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	10,25	20,25	
342	Ngữ văn	NV108	Nguyễn Hoàng Bảo Như	17/06/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	13,25	25,25	
343	Ngữ văn	NV109	Lê Thị Kim Oanh	14/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	11	9,75	20,75	
344	Ngữ văn	NV110	Trần Minh Phúc	18/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Chu Trinh	9	8,75	17,75	
345	Ngữ văn	NV111	Ngô Thị Bích Phương	20/05/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	12,5	24,5	
346	Ngữ văn	NV112	Đoàn Khánh Phương	16/09/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,75	10,5	21,25	
347	Ngữ văn	NV113	Tạ Lê Phương	05/06/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Chu Văn An	8	9,5	17,5	
348	Ngữ văn	NV114	Võ Ngọc Thu Phương	08/03/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,5	12,5	23	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
349	Ngữ văn	NV115	Võ Hồng Sâm	16/05/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	11,5	21,5	
350	Ngữ văn	NV116	Nguyễn Phạm Xuân Tài	03/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	9	11	20	
351	Ngữ văn	NV117	Hoàng Tú Tâm	07/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Linh	8	7,5	15,5	
352	Ngữ văn	NV118	Nguyễn Thị Thu Thảo	23/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Phạm Văn Đồng	9	10	19	
353	Ngữ văn	NV119	Võ Thị Hồng Thắm	15/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Chu Trinh	8	9,5	17,5	
354	Ngữ văn	NV120	Lê Ngọc Bảo Thi	11/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	7	7	14	
355	Ngữ văn	NV121	Ksor Hờ Thìn	19/04/2009	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT Phú Yên	8,5	10	18,5	
356	Ngữ văn	NV122	Lê Bùi Đình Thịnh	07/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	9,25	9	18,25	
357	Ngữ văn	NV123	Phan Thanh Trúc	19/01/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,75	11,75	23,5	
358	Ngữ văn	NV124	Nguyễn Thị Nhật Tuyền	30/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thái Bình	8,25	10,5	18,75	
359	Ngữ văn	NV125	Võ Đặng Hoài Vân	08/10/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	11	23	
360	Ngữ văn	NV126	Đặng Nguyễn Tường Vy	16/07/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	13,5	11	24,5	
361	Ngữ văn	NV127	Tăng Thiệu Vỹ	27/11/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	10,75	20,25	
362	Ngữ văn	NV128	Nguyễn Như Ý	08/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	10	10	20	
363	Sinh học	SH001	Nguyễn Trần Thiên An	11/02/2010	Quảng Ngãi	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,5	5,25	9,75	
364	Sinh học	SH002	Nguyễn Phạm Kiều Anh	01/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,5	3	7,5	
365	Sinh học	SH003	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	14/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,75	5,75	9,5	
366	Sinh học	SH004	Lê Lưu Hồng Châu	29/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3	5,75	8,75	
367	Sinh học	SH005	Phùng Nguyễn Tuệ Châu	18/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,75	8	14,75	
368	Sinh học	SH006	Tô Thanh Hà	25/04/2011	Đắk Lắk	10	THCS và THPT Tây Nguyên	6,5	5,25	11,75	
369	Sinh học	SH007	Đoàn Nguyễn Trung Hiếu	17/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,5	4,75	8,25	
370	Sinh học	SH008	Nguyễn Thị Diệu Hoa	16/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,75	9,5	22,25	
371	Sinh học	SH009	Ngô Thái Đức Hoàng	01/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	3	3,5	6,5	
372	Sinh học	SH010	Đinh Thị Mỹ Huyền	01/05/2010	Hà Nội	11	THPT số 1 Lê Hồng Phong	11,5	9,25	20,75	
373	Sinh học	SH011	Nguyễn Như Khoa	12/01/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	5,25	6,75	12	
374	Sinh học	SH012	Nguyễn Đình Khôi	04/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15	13	28	
375	Sinh học	SH013	Trương Nguyễn Tuấn Kiệt	22/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7	11,5	18,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
376	Sinh học	SH014	Phạm Thị Tuyết Liên	02/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Ngô Gia Tự	12,5	6,75	19,25	
377	Sinh học	SH015	Trần Thị Mai Linh	06/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,25	5,25	15,5	
378	Sinh học	SH016	Phan Hoàng Long	10/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,5	5,5	11	
379	Sinh học	SH017	Nguyễn Triệu Phi Long	25/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Ea H'leo	7,5	7	14,5	
380	Sinh học	SH018	Lê Đức Mạnh	06/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	11,25	7,75	19	
381	Sinh học	SH019	Lê Anh Minh	21/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,75	4,5	12,25	
382	Sinh học	SH020	Lê Phương Nga	19/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,25	2,25	7,5	
383	Sinh học	SH021	Thái Thị Tuyết Như	03/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,75	1,75	5,5	
384	Sinh học	SH022	Bùi Gia Phong	12/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,5	7,25	14,75	
385	Sinh học	SH023	Nguyễn Viết Minh Phúc	01/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,5	8,5	16	
386	Sinh học	SH024	Nguyễn Đình Gia Phước	01/10/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	10,5	11	21,5	
387	Sinh học	SH025	Nguyễn Mạnh Tân	04/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8	6	14	
388	Sinh học	SH026	Hoàng Lê Phương Thảo	15/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,5	4	7,5	
389	Sinh học	SH027	Ngô Thanh Thảo	18/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Thực hành Cao Nguyên	5,25	5,75	11	
390	Sinh học	SH028	Bùi Đông Thi	20/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,25	7,75	17	
391	Sinh học	SH029	Trương Trần Duy Thịnh	30/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9	5,75	14,75	
392	Sinh học	SH030	Nguyễn Lê Thủy Tiên	25/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9	7,25	16,25	
393	Sinh học	SH031	Nguyễn Thị Thanh Trúc	29/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,25	2,25	7,5	
394	Sinh học	SH032	Vũ Đức Tuấn	10/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Toản	8,5	6,25	14,75	
395	Sinh học	SH033	Đinh Hữu Tuệ	18/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Bình Khiêm	6,75	5,5	12,25	
396	Sinh học	SH034	Nguyễn Thị Khánh Uyên	03/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	6,75	3,75	10,5	
397	Sinh học	SH035	Nguyễn Cao Tường Vân	19/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	9,5	21	
398	Sinh học	SH036	Lê Thái Bảo	07/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	5,5	2	7,5	
399	Sinh học	SH037	Nguyễn Xuyên Chi	14/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	3,75	0,75	4,5	
400	Sinh học	SH038	Lê Kim Gia Hân	04/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,75	4,25	10	
401	Sinh học	SH039	Phan Lê Quốc Hoàng	19/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,75	2,75	5,5	
402	Sinh học	SH040	Nguyễn Kim Thanh Huệ	13/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	2,5	7,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
403	Sinh học	SH041	Đặng Quốc Huy	02/07/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,75	9,75	18,5	
404	Sinh học	SH042	Lưu Quang Khải	30/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	5,75	3	8,75	
405	Sinh học	SH043	Cao Nguyễn Hoàng Kim	12/09/2010	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,75	7,25	12	
406	Sinh học	SH044	Nguyễn Minh Lượng	17/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	5,75	6,5	12,25	
407	Sinh học	SH045	Lê Thị Bảo Ngọc	27/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,75	6	14,75	
408	Sinh học	SH046	Lê Anh Nguyên	15/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,75	5,75	12,5	
409	Sinh học	SH047	Lưu Đức Phúc	02/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,25	6	11,25	
410	Sinh học	SH048	Nguyễn Thị Quỳnh Phúc	03/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	5	3,5	8,5	
411	Sinh học	SH049	Trần Nguyễn Lam Quỳnh	07/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,5	6,25	13,75	
412	Sinh học	SH050	Nguyễn Chí Thanh	14/12/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,25	6	16,25	
413	Sinh học	SH051	Ngô Nguyễn Chí Thành	23/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	6	4,25	10,25	
414	Sinh học	SH052	Lê Vương Dạ Thảo	02/06/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,25	6	11,25	
415	Sinh học	SH053	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	29/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	2,25	2,25	4,5	
416	Sinh học	SH054	Trần Nhật Thiên	11/06/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,25	3,25	6,5	
417	Sinh học	SH055	Phan Nguyễn Đa Thọ	22/05/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,5	2,5	7	
418	Sinh học	SH056	Tô Trần Bích Thủy	30/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	6,25	4,5	10,75	
419	Sinh học	SH057	Huỳnh Trần Thanh Thư	20/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	8,75	5,5	14,25	
420	Sinh học	SH058	Trần Nguyễn Bảo Tín	05/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	6	3	9	
421	Sinh học	SH059	Nguyễn Phương Trang	13/03/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,25	7,75	18	
422	Sinh học	SH060	Nguyễn Anh Tuấn	03/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Lê Hồng Phong	4,75	2	6,75	
423	Sinh học	SH061	Trương Khả Tuấn	25/08/2011	Đắk Lắk	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,75	4,75	9,5	
424	Sinh học	SH062	Lưu Bảo Uyên	16/10/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,75	3	6,75	
425	Sinh học	SH063	Nguyễn Trần Thảo Vy	15/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,5	3,75	9,25	
426	Sinh học	SH064	Nguyễn Kim Tường Vy	24/10/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,25	6,25	13,5	
427	Sinh học	SH065	Trà Như Ý	18/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	5	3	8	
428	Tiếng Anh	TA001	Trần Gia An	06/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,75	11,3	23,05	
429	Tiếng Anh	TA002	Phan Đình Phương Anh	27/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,95	10,8	21,75	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
430	Tiếng Anh	TA003	Trương Nguyễn Quỳnh Anh	17/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,9	9,05	19,95	
431	Tiếng Anh	TA004	Ngô Gia Bảo	31/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Tất Thành	6,9	8,75	15,65	
432	Tiếng Anh	TA005	Nguyễn Ngọc Minh Châu	06/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,6	11,7	23,3	
433	Tiếng Anh	TA006	Võ Thị Minh Châu	03/04/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,45	11,85	22,3	
434	Tiếng Anh	TA007	Nguyễn Thị Mai Chi	12/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,6	10,55	23,15	
435	Tiếng Anh	TA008	Trương Dũng	15/11/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	11,15	11,9	23,05	
436	Tiếng Anh	TA009	Đỗ Minh Đức	27/06/2011	Đắk Lắk	10	THCS và THPT Đông Du	12,65	11,25	23,9	
437	Tiếng Anh	TA010	Nguyễn Phạm Minh Đức	24/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,65	10,35	22	
438	Tiếng Anh	TA011	Trần Nguyễn Yên Giang	17/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,6	11,4	23	
439	Tiếng Anh	TA012	Đỗ Lê Quang Hà	26/02/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	11,35	8,95	20,3	
440	Tiếng Anh	TA013	Hồ Lê Hoàng	20/10/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	11,1	11,9	23	
441	Tiếng Anh	TA014	Nguyễn Việt Hoàng	23/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,05	14,4	29,45	
442	Tiếng Anh	TA015	Nguyễn Kim Huệ	12/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Huỳnh Thúc Kháng	7,7	7,95	15,65	
443	Tiếng Anh	TA016	Trần Lê Huy	24/06/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Tây Nguyên	8,95	11,35	20,3	
444	Tiếng Anh	TA017	Nguyễn Minh Huy	05/04/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,7	14,05	28,75	
445	Tiếng Anh	TA018	Nguyễn Mạnh Hùng	11/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	13,1	9,95	23,05	
446	Tiếng Anh	TA019	Vũ Nguyên Khang	17/11/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,05	9,75	20,8	
447	Tiếng Anh	TA020	Tổng Viết Quốc Khánh	15/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,45	9,65	19,1	
448	Tiếng Anh	TA021	Trần Ngọc Anh Khoa	07/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	6,6	6,95	13,55	
449	Tiếng Anh	TA022	Hoàng Bảo Khôi	12/05/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,2	11,45	21,65	
450	Tiếng Anh	TA023	Đào Nhật Khôi	26/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,95	9,7	19,65	
451	Tiếng Anh	TA024	Nguyễn Tùng Lâm	18/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Hồ	10,05	7,95	18	
452	Tiếng Anh	TA025	Lê Ngọc Yến Linh	13/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	9,3	8,6	17,9	
453	Tiếng Anh	TA026	Trần Ngọc Mai	06/03/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Tây Nguyên	6,95	8,55	15,5	
454	Tiếng Anh	TA027	Phạm Hiểu Minh	12/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Thái Bình	9,15	9,45	18,6	
455	Tiếng Anh	TA028	Trần Lê Minh	09/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,45	13,3	26,75	
456	Tiếng Anh	TA029	Ngô Quang Minh	26/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	9,3	21,3	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
457	Tiếng Anh	TA030	Phan Nguyễn Thảo My	02/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Bội Châu	6,3	7,55	13,85	
458	Tiếng Anh	TA031	Lê Kim Bảo Ngọc	25/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,8	11,85	24,65	
459	Tiếng Anh	TA032	La Trần Bảo Ngọc	08/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du				
460	Tiếng Anh	TA033	Nguyễn Bảo Nguyên	06/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	8,6	7,35	15,95	
461	Tiếng Anh	TA034	Trịnh Hoàng Nguyên	15/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,7	11,35	23,05	
462	Tiếng Anh	TA035	Đỗ Minh Nhật	03/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Hồ	7,95	7,9	15,85	
463	Tiếng Anh	TA036	Ngô Ngọc Gia Nhi	03/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Tất Thành	7,9	7,25	15,15	
464	Tiếng Anh	TA037	Hoàng Phan Thảo Nhi	30/03/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,9	10,7	21,6	
465	Tiếng Anh	TA038	Đặng Khánh Nhiên	15/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	11,65	9,7	21,35	
466	Tiếng Anh	TA039	Nguyễn Tiến Phát	03/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,15	12,2	25,35	
467	Tiếng Anh	TA040	Trần Nhật Phong	03/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,85	9,65	19,5	
468	Tiếng Anh	TA041	Phạm Thanh Phong	24/06/2010	Hải Phòng	11	THPT Chu Văn An	7,2	7,95	15,15	
469	Tiếng Anh	TA042	Nguyễn Thái Phú Quang	28/11/2009	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT Chu Văn An	10,55	10,1	20,65	
470	Tiếng Anh	TA043	Nguyễn Đình Quân	10/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	6,6	6,95	13,55	
471	Tiếng Anh	TA044	Nguyễn Kim Tâm	27/07/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	15	13,1	28,1	
472	Tiếng Anh	TA045	Phạm Thị Đan Thanh	04/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	7,35	5,95	13,3	
473	Tiếng Anh	TA046	Trần Thi Hồng Thắm	11/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Trần Nhân Tông	5,7	6,35	12,05	
474	Tiếng Anh	TA047	Cao Thiên	22/05/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,85	12	24,85	
475	Tiếng Anh	TA048	Trần Minh Thiện	06/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,5	8,35	16,85	
476	Tiếng Anh	TA049	Nguyễn Thịnh	05/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	9,95	7,55	17,5	
477	Tiếng Anh	TA050	Đỗ Minh Thư	03/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,8	10,45	21,25	
478	Tiếng Anh	TA051	Đinh Bảo Tuấn	24/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Hồ	9,25	10,5	19,75	
479	Tiếng Anh	TA052	Phạm Lan Uyên	19/12/2011	Đắk Lắk	10	THPT số 1 Trần Phú	6	5,05	11,05	
480	Tiếng Anh	TA053	Lê Đan Vy	03/08/2011	Đắk Lắk	10	THPT số 1 Trần Phú	4	4,7	8,7	
481	Tiếng Anh	TA054	Nguyễn Phan Thành Vỹ	19/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Không Ana	12,35	12,85	25,2	
482	Tiếng Anh	TA055	Nguyễn Đào Diệu Anh	09/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Lê Lợi	5,65	4,95	10,6	
483	Tiếng Anh	TA056	Huỳnh Ngọc Phương Anh	18/10/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,05	7,35	15,4	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
484	Tiếng Anh	TA057	Trần Gia Bảo	27/10/2009	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	11,6	12,6	24,2	
485	Tiếng Anh	TA058	Phan Thái Bảo	20/11/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,4	9,05	16,45	
486	Tiếng Anh	TA059	Nguyễn Vũ Dũng	20/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,2	10,7	21,9	
487	Tiếng Anh	TA060	Nguyễn Thanh Hải	08/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	3,1	6,9	10	
488	Tiếng Anh	TA061	Nguyễn Lê Bảo Hân	12/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Thái Bình	5,9	5,85	11,75	
489	Tiếng Anh	TA062	Lê Triệu Ngọc Hân	19/10/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,35	8,95	18,3	
490	Tiếng Anh	TA063	Hoàng Trung Hiếu	16/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	7,2	8,35	15,55	
491	Tiếng Anh	TA064	Đoàn Mai Hoàng	02/11/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	13,25	10,75	24	
492	Tiếng Anh	TA065	Nguyễn Minh Hưng	25/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,15	13,55	25,7	
493	Tiếng Anh	TA066	Huỳnh Quốc Hưng	30/11/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,85	10,2	20,05	
494	Tiếng Anh	TA067	Nguyễn Phạm Tiến Hưng	26/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Chu Trinh	5,05	6,4	11,45	
495	Tiếng Anh	TA068	Nguyễn Chấn Khang	14/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	6	6,35	12,35	
496	Tiếng Anh	TA069	Phạm Gia Khiêm	25/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,95	9,25	21,2	
497	Tiếng Anh	TA070	Đinh Việt Khoa	01/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	5,85	5,85	11,7	
498	Tiếng Anh	TA071	Cao Kỳ	23/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	8,35	8,5	16,85	
499	Tiếng Anh	TA072	Võ Xuân Lâm	16/11/2011	Đắk Lắk	10	THPT Phạm Văn Đồng	5,5	7,25	12,75	
500	Tiếng Anh	TA073	Võ Hoài Liêm	08/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	5,1	6,5	11,6	
501	Tiếng Anh	TA074	Hà Hoàng Long	22/07/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,75	10,25	20	
502	Tiếng Anh	TA075	Đoàn Thành Long	09/09/2011	Bình Dương	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,8	11,2	23	
503	Tiếng Anh	TA076	Trương Thành Long	19/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Chu Trinh	6,4	8,35	14,75	
504	Tiếng Anh	TA077	Trương Khánh Ngân	12/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Lê Trung Kiên	3,75	4,35	8,1	
505	Tiếng Anh	TA078	Phan Hoàng Thảo Ngân	26/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	5,55	5,05	10,6	
506	Tiếng Anh	TA079	Lê Trương Kim Ngọc	28/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	5,7	7,05	12,75	
507	Tiếng Anh	TA080	Trần Huỳnh Thanh Ngọc	15/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	7,9	5,65	13,55	
508	Tiếng Anh	TA081	Nguyễn Tấn Nhã	28/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	6,6	7,5	14,1	
509	Tiếng Anh	TA082	Dương Mạnh Nhân	25/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	7,3	7,6	14,9	
510	Tiếng Anh	TA083	Lê Nguyễn Khánh Như	04/07/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,05	10,25	21,3	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
511	Tiếng Anh	TA084	Ngô Huỳnh Thảo Như	05/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,75	7,1	14,85	
512	Tiếng Anh	TA085	Võ Hoàng Cao Phú	11/07/2009	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT Nguyễn Văn Linh	5,65	7,55	13,2	
513	Tiếng Anh	TA086	Lê Ngọc Mai Phúc	24/05/2010	Khánh Hòa	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	8,55	16,55	
514	Tiếng Anh	TA087	Huỳnh Ngọc Khánh Quỳnh	13/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,6	10,65	23,25	
515	Tiếng Anh	TA088	Đặng Ngọc Như Quỳnh	23/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,35	9,8	18,15	
516	Tiếng Anh	TA089	Phạm Hoàn Sơn	01/01/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,45			
517	Tiếng Anh	TA090	Ngô Thiên Tài	28/06/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,65	11,25	22,9	
518	Tiếng Anh	TA091	Nguyễn Bùi An Thuyên	01/06/2009	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	8,9	9,35	18,25	
519	Tiếng Anh	TA092	Bùi Võ Thuỷ Tiên	05/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Văn Linh	4,55	4,2	8,75	
520	Tiếng Anh	TA093	Phạm Tấn Tôn	29/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	4,65	5,85	10,5	
521	Tiếng Anh	TA094	Đặng Quỳnh Bách Trâm	07/08/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14,25	12,5	26,75	
522	Tiếng Anh	TA095	Nguyễn Phạm Hồng Trâm	25/08/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,65	11,1	23,75	
523	Tiếng Anh	TA096	Nguyễn Trần Bảo Trân	19/06/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,75	8,05	15,8	
524	Tiếng Anh	TA097	Võ Lê Minh Trí	24/12/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14,1	12,8	26,9	
525	Tiếng Anh	TA098	Nguyễn Nhật Tuệ	02/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phạm Văn Đồng	8	7,3	15,3	
526	Tiếng Anh	TA099	Trần Trọng Tuyên	20/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	6,2	4,85	11,05	
527	Tiếng Anh	TA100	Lương Vị Uyên	26/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,65	10,4	20,05	
528	Tiếng Pháp	TP001	Vũ Thiên Anh	20/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,05	10,23	18,28	
529	Tiếng Pháp	TP002	Trần Hoàng Thiên Ân	02/04/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,4	10,53	21,93	
530	Tiếng Pháp	TP003	Nguyễn An Gia Bảo	17/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,4	12	25,4	
531	Tiếng Pháp	TP004	Nguyễn Đỗ Gia Bảo	25/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,45	11,75	22,2	
532	Tiếng Pháp	TP005	Trần Minh Đức	09/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,48	10,4	18,88	
533	Tiếng Pháp	TP006	Hồ Ngọc Hân	15/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,2	14,35	27,55	
534	Tiếng Pháp	TP007	Võ Trần Lâm	25/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Ma Thuột	3,3	5,15	8,45	
535	Tiếng Pháp	TP008	Trần Hoàng Gia Linh	12/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,3	13,7	28	
536	Tiếng Pháp	TP009	Cung Hà Phương Linh	10/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,75	10,3	21,05	
537	Tiếng Pháp	TP010	Mai Hiếu Minh	12/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,55	10,7	22,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
538	Tiếng Pháp	TP011	Mai Nhật Nam	12/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,9	7,6	15,5	
539	Tiếng Pháp	TP012	Đoàn Đại Quốc Nguyên	18/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,8	9,3	16,1	
540	Tiếng Pháp	TP013	Trần Mai Bích Như	04/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,95	8,63	17,58	
541	Tiếng Pháp	TP014	Nguyễn Hoàng Phong	24/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,25	9,25	17,5	
542	Tiếng Pháp	TP015	Phạm Thị Uyên Phương	21/10/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,15	11,73	21,88	
543	Tiếng Pháp	TP016	Phạm Như Quỳnh	31/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,9	14,1	26	
544	Tiếng Pháp	TP017	Nguyễn Anh Thắng	09/04/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,8	12,08	21,88	
545	Tiếng Pháp	TP018	Võ Ngọc Anh Thơ	22/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,75	12,55	23,3	
546	Tiếng Pháp	TP019	Nguyễn Kiều Trang	03/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,65	15,18	30,83	
547	Tiếng Pháp	TP020	Mai Thanh Trúc	27/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,6	13,58	25,18	
548	Tiếng Pháp	TP021	Nguyễn Quang Vinh	12/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,7	16,25	30,95	
549	Tin học	TH001	Nguyễn Ngọc Trường An	12/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Huệ	8,7	4,05	12,75	
550	Tin học	TH002	Huỳnh Bảo Anh	22/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Y Jút				
551	Tin học	TH003	Nguyễn Tân Anh	23/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,6	5,6	12,2	
552	Tin học	TH004	Cao Tuấn Anh	02/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	4,55	2,3	6,85	
553	Tin học	TH005	Ngô Đặng Tuấn Anh	28/03/2011	Đắk Lắk	10	THPT Trần Quốc Toản	9,4	2,9	12,3	
554	Tin học	TH006	Lê Chí Bảo	13/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,85	0,9	11,75	
555	Tin học	TH007	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	19/05/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,85	13,3	24,15	
556	Tin học	TH008	Đỗ Quốc Bình	08/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,3	3,95	11,25	
557	Tin học	TH009	Phan Minh Châu	11/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,85	7,05	19,9	
558	Tin học	TH010	Nguyễn Thành Danh	10/03/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	10,85	5,4	16,25	
559	Tin học	TH011	Hoàng Minh Dương	24/08/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,85	6,45	17,3	
560	Tin học	TH012	Nguyễn Thái Dương	04/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	10,5	6,8	17,3	
561	Tin học	TH013	Trần Minh Đạt	28/07/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Tây Nguyên	13,3	5,8	19,1	
562	Tin học	TH014	Trần Quang Hà	24/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Ea Rôk	0	2,9	2,9	
563	Tin học	TH015	Lê Hiếu	20/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,75	3,3	12,05	
564	Tin học	TH016	Nguyễn Quang Hiếu	15/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,25	5,9	18,15	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
565	Tin học	TH017	Nguyễn Thị Hoàn	03/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	4,1	2,9	7	
566	Tin học	TH018	Vũ Gia Huy	19/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	2,4	6,8	9,2	
567	Tin học	TH019	Phan Huỳnh Minh Huy	10/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,95	2,9	9,85	
568	Tin học	TH020	Đặng Quang Huy	02/05/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,3	4,4	15,7	
569	Tin học	TH021	Nguyễn Công Hưng	12/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,65	8,2	21,85	
570	Tin học	TH022	Nguyễn Minh Khang	21/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,15	6,5	10,65	
571	Tin học	TH023	Mai Lê Châu Khanh	23/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,25	2,95	15,2	
572	Tin học	TH024	Nguyễn Hữu Khánh	14/02/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,25	6,1	12,35	
573	Tin học	TH025	Huỳnh Hữu Anh Khoa	04/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Cư M'gar	3,15	6,8	9,95	
574	Tin học	TH026	Lê Nguyễn Anh Khoa	14/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Hồ	13,05	9,5	22,55	
575	Tin học	TH027	Võ Anh Khoa	10/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,5	14,2	27,7	
576	Tin học	TH028	Phạm Đăng Khoa	06/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,4	6,5	15,9	
577	Tin học	TH029	Đào Tuấn Khoa	15/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,7	12,1	26,8	
578	Tin học	TH030	Trương Ngọc Lâm	16/12/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	20	17	37	
579	Tin học	TH031	Hoàng Bảo Long	18/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Cao Bá Quát	6,6	6,8	13,4	
580	Tin học	TH032	Nguyễn Đắc Minh	01/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,8	7,2	22	
581	Tin học	TH033	Nguyễn Hải Nhật Minh	12/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,6	1,4	8	
582	Tin học	TH034	Nguyễn Thanh Bảo Nam	21/02/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	0,35	4,4	4,75	
583	Tin học	TH035	Bùi Anh Nhật	13/07/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,15	12	23,15	
584	Tin học	TH036	Lê Minh Nhật	04/04/2011	Đắk Lắk	10	THCS và THPT Tây Nguyên	2,4	2,9	5,3	
585	Tin học	TH037	Từ Huy Phát	21/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,7	3	10,7	
586	Tin học	TH038	Phạm Văn Minh Phú	23/06/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,75	4	13,75	
587	Tin học	TH039	Nguyễn Hoàng Phúc	18/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,75	2	11,75	
588	Tin học	TH040	Nguyễn Trần Chí Phước	31/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	7,3	3,3	10,6	
589	Tin học	TH041	Đặng Trọng Phước	19/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	5,95	5,3	11,25	
590	Tin học	TH042	Nguyễn Đức Quân	26/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,85	5,6	10,45	
591	Tin học	TH043	Lưu Tiến Thanh	02/08/2009	Đắk Lắk	12	TH, THCS và THPT Hoàng Việt	8,75	9,6	18,35	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
592	Tin học	TH044	Trần Khánh Toàn	24/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,25	2	7,25	
593	Tin học	TH045	Đoàn Ngọc Bảo Trân	13/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,05	9,25	24,3	
594	Tin học	TH046	Đoàn Trọng Tuấn	22/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,25	5,4	17,65	
595	Tin học	TH047	Lê Hải Tùng	07/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,7	3,2	17,9	
596	Tin học	TH048	Nguyễn Xuân Tùng	04/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,7	8,25	22,95	
597	Tin học	TH049	Nguyễn Bảo Gia Uy	27/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,55	6,75	12,3	
598	Tin học	TH050	Châu Trần Như Ý	13/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	3,5	5,6	9,1	
599	Tin học	TH051	Cao Thái Anh	02/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,75	5,3	14,05	
600	Tin học	TH052	Nguyễn Phùng Gia Bảo	24/08/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,4	2,9	5,3	
601	Tin học	TH053	Bùi Quốc Bảo	13/02/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	0	0	
602	Tin học	TH054	Võ Minh Chuyên	22/09/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,7	0,9	3,6	
603	Tin học	TH055	Hà Minh Duy	06/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	4,15	2,9	7,05	
604	Tin học	TH056	Phan Phúc Hải	18/05/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,05	3,5	5,55	
605	Tin học	TH057	Lê Nguyên Huy Hoàng	12/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	0	5,2	5,2	
606	Tin học	TH058	Võ Minh Hoàng	13/07/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	2,3	2,3	
607	Tin học	TH059	Nguyễn Thanh Hóa	25/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,55	1,4	5,95	
608	Tin học	TH060	Vì Gia Huy	15/08/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	16,85	5,4	22,25	
609	Tin học	TH061	Phạm Vũ Gia Huy	13/02/2009	Khánh Hoà	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,85	3,5	8,35	
610	Tin học	TH062	Nguyễn Quang Huy	13/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phạm Văn Đồng	0	2,9	2,9	
611	Tin học	TH063	Trần Đặng Mạnh Hưng	26/12/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,65	5,7	13,35	
612	Tin học	TH064	Trần Anh Hữu	03/10/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14	15,95	29,95	
613	Tin học	TH065	Nguyễn Duy Kha	04/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Thái Bình	0	0	0	
614	Tin học	TH066	Phạm Gia Khải	16/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phan Chu Trinh	0	3,6	3,6	
615	Tin học	TH067	Lê Việt Khôi	13/05/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,15	5,1	16,25	
616	Tin học	TH068	Phạm Minh Kiệt	15/04/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,95	13,1	26,05	
617	Tin học	TH069	Đặng Tuấn Kiệt	19/02/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,4	0,6	2	
618	Tin học	TH070	Võ Xuân Lộc	11/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,8	2	5,8	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
619	Tin học	TH071	Đặng Thành Nam	15/07/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14,7	11,4	26,1	
620	Tin học	TH072	Nguyễn Bích Ngọc	16/04/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,5	2,3	6,8	
621	Tin học	TH073	Bùi Minh Nhật	04/03/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,6	3,9	9,5	
622	Tin học	TH074	Trần Nguyên Phú	03/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	2,4	0,6	3	
623	Tin học	TH075	Trần Nguyên Quang	08/04/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,7	6,2	16,9	
624	Tin học	TH076	Nguyễn Lê Nhất Quân	17/03/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,6	2,5	9,1	
625	Tin học	TH077	Nguyễn Công Sang	03/03/2010	Gia Lai	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	2,6	15,1	
626	Tin học	TH078	Cao Thanh Sơn	06/03/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	0,6	0,6	
627	Tin học	TH079	Bùi Tấn Tài	01/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Phan Bội Châu	1,05	6,2	7,25	
628	Tin học	TH080	Hồ Trọng Tiến	06/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,45	2,6	5,05	
629	Toán	TO001	Nguyễn Lê Đức Anh	14/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	0,5	10	10,5	
630	Toán	TO002	Đình Văn Tuấn Anh	01/01/2009	Đắk Nông	12	THCS và THPT Đông Du	9,5	11	20,5	
631	Toán	TO003	Mai Thành Biên	14/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Bội Châu	1	3	4	
632	Toán	TO004	Nguyễn Văn Chính	22/03/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	2,5	8,5	11	
633	Toán	TO005	Vũ Tùng Dương	04/12/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	8	4,5	12,5	
634	Toán	TO006	Trần Công Đăng	22/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,5	0,5	6	
635	Toán	TO007	Nguyễn Tấn Anh Đức	26/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,5	1,5	3	
636	Toán	TO008	Trần Anh Đức	26/11/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	11,5	5	16,5	
637	Toán	TO009	Vũ Hoàng Hải	15/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	8	18,5	
638	Toán	TO010	Hoàng Huỳnh Ngọc Hoan	14/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	17,5	28,5	
639	Toán	TO011	Nguyễn Minh Hoàng	07/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,5	5	12,5	
640	Toán	TO012	Hoàng Ngọc Huy	01/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Tôn Đức Thắng	0,5	2	2,5	
641	Toán	TO013	Nguyễn Nhật Huy	18/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Y Jút	11	2	13	
642	Toán	TO014	Phạm Hoàng Quang Huy	03/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lắc	5	1,5	6,5	
643	Toán	TO015	Đỗ Khang	03/02/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	10,5	2,5	13	
644	Toán	TO016	Nguyễn Hữu Anh Khoa	23/10/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	7	6	13	
645	Toán	TO017	Nguyễn Đức Kiên	30/03/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	8	0,5	8,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
646	Toán	TO018	Hồ Hoàng Kiệt	03/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5	15,5	20,5	
647	Toán	TO019	Nguyễn Hoàng Diệu Ly	12/12/2009	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Tôn Đức Thắng				
648	Toán	TO020	Lê Nguyễn Minh Nghĩa	09/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,5	8,5	12	
649	Toán	TO021	Lê Trần Vũ Nguyên	10/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9	3,5	12,5	
650	Toán	TO022	Nguyễn Văn Thành Nhân	09/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	8,5	20	
651	Toán	TO023	Trần Nguyên Phong	21/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	0,5	2	2,5	
652	Toán	TO024	Cao Nguyễn Đăng Phúc	26/05/2009	Đắk Lắk	12	TH, THCS và THPT Victory	1,5	9	10,5	
653	Toán	TO025	Trần Hiệp Phúc	24/05/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8	6,5	14,5	
654	Toán	TO026	Đặng Thiên Phúc	06/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	0,5	3	3,5	
655	Toán	TO027	Nguyễn Trương Phước	20/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10	13	23	
656	Toán	TO028	Sara Mlô	16/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,5	7	10,5	
657	Toán	TO029	Hoàng Sơn	11/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	7	18,5	
658	Toán	TO030	Hoàng Nhật Tân	04/10/2010	Đắk Nông	11	THCS và THPT Đông Du	6	8,5	14,5	
659	Toán	TO031	Nguyễn Khắc Thạch	07/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	0	0,5	0,5	
660	Toán	TO032	Nguyễn Sỹ Thanh	24/10/2011	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	13,5	25,5	
661	Toán	TO033	Lê Phương Thảo	19/03/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,5	1	9,5	
662	Toán	TO034	Hồ Nhật Thiên	26/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	1,5	0,5	2	
663	Toán	TO035	Nguyễn Minh Trí	13/11/2009	Đắk Nông	12	THCS và THPT Đông Du	15,5	13,5	29	
664	Toán	TO036	Đặng Nguyễn Trọng Trung	20/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5	2	7	
665	Toán	TO037	Võ Tùng Anh	31/07/2011	Bình Định	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	6,5	7,5	
666	Toán	TO038	Phan Nguyễn Hoàng Ân	09/05/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	2	3	
667	Toán	TO039	Nguyễn Thanh Ân	12/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	0	4	4	
668	Toán	TO040	Lê Khánh Chi	21/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,5	1,5	2	
669	Toán	TO041	Nguyễn Nguyên Chinh	18/11/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	7,5	18,5	
670	Toán	TO042	Lê Nguyên Chương	26/03/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	19	27	
671	Toán	TO043	Đặng Xuân Chương	19/02/2009	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7	5,5	12,5	
672	Toán	TO044	Đỗ Hoàng Anh Dũng	19/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	0,5	6,5	7	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
673	Toán	TO045	Châu Quốc Định	13/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,5	1	1,5	
674	Toán	TO046	Lưu Võ Hoàng Gia	03/12/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Chu Văn An	0	0,5	0,5	
675	Toán	TO047	Nguyễn Khắc Hoàng Hải	20/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thái Bình	0,5	0,5	1	
676	Toán	TO048	Lê Thanh Hải	07/05/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,5	13,5	20	
677	Toán	TO049	Đào Văn Hiến	28/12/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	2,5	3,5	
678	Toán	TO050	Trần Bảo Huy	12/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,5	7,5	11	
679	Toán	TO051	Bùi Ngọc Huyền	26/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,5	2,5	4	
680	Toán	TO052	Nguyễn Nhật Thiên Hưng	30/08/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,5	7,5	15	
681	Toán	TO053	Lê Duy Khánh	27/06/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6	4	10	
682	Toán	TO054	Nguyễn Nam Khánh	13/02/2009	Đắk Lắk	12	THPT Phạm Văn Đồng	1	0,5	1,5	
683	Toán	TO055	Trần Huỳnh Gia Lâm	24/09/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,5	8,5	10	
684	Toán	TO056	Huỳnh Xuân Lộc	03/02/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	5	8	
685	Toán	TO057	Nguyễn Khoa Minh	23/05/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,5	2	5,5	
686	Toán	TO058	Đào Quang Minh	17/03/2009	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	0,5	0,5	1	
687	Toán	TO059	Trần Gia Nghi	11/02/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	4,5	5,5	
688	Toán	TO060	Phan Đăng Nguyên	29/08/2010	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,5	1,5	9	
689	Toán	TO061	Đặng Hoàng Nguyên	15/11/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,5	2	2,5	
690	Toán	TO062	Trần Phúc Nguyên	19/02/2009	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	0,5	0,5	1	
691	Toán	TO063	Nguyễn Phạm Trang Nguyên	08/02/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Chu Văn An	0,5	0	0,5	
692	Toán	TO064	Đặng Ngọc Phát	24/02/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6	13	19	
693	Toán	TO065	Vương Trọng Phú	14/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2	7,5	9,5	
694	Toán	TO066	Huỳnh Trọng Phúc	13/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	5,5	4	9,5	
695	Toán	TO067	Phạm Bảo Phương	30/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	0,5	0	0,5	
696	Toán	TO068	Lê Việt Quang	13/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4	13,5	17,5	
697	Toán	TO069	Lê Nguyễn Phú Quốc	27/05/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	2,5	5,5	
698	Toán	TO070	Nguyễn Thành Tài	01/06/2011	Khánh Hòa	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	3	4	
699	Toán	TO071	Nguyễn Minh Thanh	10/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	0	3	3	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
700	Toán	TO072	Nguyễn Trần Minh Thành	19/07/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	4,5	7,5	
701	Toán	TO073	Phạm Lê Ngọc Thành	29/04/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,5	6,5	7	
702	Toán	TO074	Võ Giang Thiên	13/07/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	12	15	
703	Toán	TO075	Nguyễn Quốc Thịnh	23/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	0,5	1	1,5	
704	Toán	TO076	Bùi Minh Thành Tín	17/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	0,5	0,5	1	
705	Toán	TO077	Lê Phúc Trọng	04/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Trung Kiên	0	0,5	0,5	
706	Toán	TO078	Nguyễn Hữu Trực	06/07/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	5,5	14	
707	Toán	TO079	Võ Phạm Anh Tuấn	15/03/2011	Phú Yên	10	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	4,5	9,5	
708	Vật lí	LI001	Nguyễn Vũ Bảo Anh	07/07/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10	10,75	20,75	
709	Vật lí	LI002	Bùi Lê Tùng Anh	31/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	3,75	0,25	4	
710	Vật lí	LI003	Phan Gia Bảo	14/04/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Nguyên Giáp	5,5	2,5	8	
711	Vật lí	LI004	Lê Vĩnh Đức	19/08/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4	0,5	4,5	
712	Vật lí	LI005	Nguyễn Ngọc Hương Giang	23/06/2010	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	5	2	7	
713	Vật lí	LI006	Lê Thanh Hải	29/01/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7	1,5	8,5	
714	Vật lí	LI007	Trương Hồ Gia Hân	19/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	2,5	1,75	4,25	
715	Vật lí	LI008	Nguyễn Phú Hậu	03/04/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	4,75	7,5	12,25	
716	Vật lí	LI009	Hà Nguyễn Duy Hiếu	15/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	8	20	
717	Vật lí	LI010	Lê Minh Hoàng	11/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,75	9,5	20,25	
718	Vật lí	LI011	Phạm Đăng Khoa	21/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,25	0,75	5	
719	Vật lí	LI012	Nguyễn Huy Khôi	09/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5	0,75	5,75	
720	Vật lí	LI013	Lê Công Tuấn Kiệt	04/10/2010	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,5	2,5	8	
721	Vật lí	LI014	Nguyễn Thị Thanh Lam	17/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,75	6	18,75	
722	Vật lí	LI015	Phạm Bảo Lâm	09/02/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14	7,25	21,25	
723	Vật lí	LI016	Võ Vỹ Lâm	15/01/2009	Quảng Ngãi	12	THCS và THPT Đông Du	9,75	9,75	19,5	
724	Vật lí	LI017	Nguyễn Trần Quang Minh	10/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	10	21,5	
725	Vật lí	LI018	Phan Thành Nguyên	13/10/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9	2	11	
726	Vật lí	LI019	Nguyễn Thanh Phát	24/06/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,75	1,75	12,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
727	Vật lí	LI020	Lê Thanh Phước	19/09/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7	4,5	11,5	
728	Vật lí	LI021	Nguyễn Thế Anh Quân	19/08/2009	Quảng Ngãi	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10	5	15	
729	Vật lí	LI022	Lại Minh Quân	28/04/2010	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,25	6,75	18	
730	Vật lí	LI023	Lưu Văn Quân	01/10/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,25	13,25	26,5	
731	Vật lí	LI024	Phạm Trọng Tân	04/09/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,25	10,5	21,75	
732	Vật lí	LI025	Nguyễn Trần Gia Uy	30/03/2009	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	11,25	11,25	22,5	
733	Vật lí	LI026	Lê Nguyễn Thảo Vân	01/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	2,5	2	4,5	
734	Vật lí	LI027	Đào Ngọc Bảo Châu	29/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,75	3	7,75	
735	Vật lí	LI028	Nguyễn Bình Dương	02/03/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,75	3,5	7,25	
736	Vật lí	LI029	Đoàn Hữu Đăng	20/03/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	0,5	0,25	0,75	
737	Vật lí	LI030	Nguyễn Bắc Hà	28/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	2	10	
738	Vật lí	LI031	Đặng Minh Hoàng	16/05/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,75	0,5	2,25	
739	Vật lí	LI032	Trương Ngọc Hòa	30/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Ngô Gia Tự	1	0,25	1,25	
740	Vật lí	LI033	Phạm Gia Huy	25/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Thái Bình	0,5	0	0,5	
741	Vật lí	LI034	Võ Thế Huy	29/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	5,25	2,75	8	
742	Vật lí	LI035	Trần Lê Gia Khang	24/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	3	0,5	3,5	
743	Vật lí	LI036	Huỳnh Tấn Khiêm	16/09/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,75	13,75	25,5	
744	Vật lí	LI037	Nguyễn Đăng Khôi	12/08/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Lợi	1,5	0	1,5	
745	Vật lí	LI038	Nguyễn Cao Trọng Khôi	11/01/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,5	0	1,5	
746	Vật lí	LI039	Phạm Văn Kiệt	07/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	9,25	2,25	11,5	
747	Vật lí	LI040	Huỳnh Nguyễn Quốc Lâm	19/05/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	10,5	23	
748	Vật lí	LI041	Dương Phi Long	28/09/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	16,5	13,5	30	
749	Vật lí	LI042	Phạm Hoàng Ngọc	07/11/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	2,25	0,75	3	
750	Vật lí	LI043	Lê Quý Nhân	28/01/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ				
751	Vật lí	LI044	Đỗ Gia Phúc	19/05/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7	7,25	14,25	
752	Vật lí	LI045	Huỳnh Hoàng Sinh	18/03/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,75	4,5	10,25	
753	Vật lí	LI046	Dương Thị Bích Thảo	21/11/2010	Đắk Lắk	11	THPT Lê Trung Kiên	0,5	0,25	0,75	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm bài thi V1	Điểm bài thi V2	Tổng điểm	Ghi chú
754	Vật lí	LI047	Nguyễn Thanh Thiên	19/03/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,5	3	13,5	
755	Vật lí	LI048	Lê Ngọc Thiện	13/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ				
756	Vật lí	LI049	Phạm Ngọc Thiện	11/06/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	1	2	
757	Vật lí	LI050	Đỗ Nguyễn Anh Thư	17/05/2009	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	7,75	3,5	11,25	
758	Vật lí	LI051	Trần Lưu Bảo Tiên	10/02/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,25	3,75	12	
759	Vật lí	LI052	Nguyễn Nhật Tiến	04/04/2010	Phú Yên	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,5	2,5	4	
760	Vật lí	LI053	Lê Bảo Tín	22/07/2009	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	7	1	8	
761	Vật lí	LI054	Trương Thị Ngọc Trâm	17/08/2009	Phú Yên	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	5,25	13,25	
762	Vật lí	LI055	Hà Kim Tuấn	25/06/2009	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Huệ	6	3,25	9,25	
763	Vật lí	LI056	Nguyễn Phương Yển	20/04/2009	Bình Định	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	13	21	

Danh sách này có 763 thí sinh.

NGƯỜI LẬP BẢNG



Đinh Tấn Truyền

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 9 năm 2026
CHỦ TỊCH NỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phạm Huy Văn
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT